

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						184 109	17 722	166 387			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						<u>50 100</u>	-	<u>50 100</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						50 100		50 100			
1		ĐT TM DV	01/09	1215/09		BN 1336	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020		TD	
2		DVVT QUẢNG NINH	03/09	1217/09		BN 1816	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
3		DVVT QUẢNG NINH	03/09	1218/09		BN 1348	CỤC XỎ 1C	990		990		TD	
4		ĐT TM DV	03/09	1221/09		BN 1309	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
5		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1226/09	19/09	BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
6		DVVT QUẢNG NINH	04/09	1229/09	19/09	BN 1879	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
7		DVVT QUẢNG NINH	05/09	1232/09	20/09	BN 1835	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
8		KDT BẮC THÁI	07/09	1235/09		BN 2508	CẨM 1	900		900		TD	
9		SÔNG HỒNG	08/09	1236/09		BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	
10		CP TTC	09/09	1241/09		HN 2089	CỤC 4A.1	1 250		1 250		TD	
11		COALIMEX	15/09	1250/09	22/09	BN 0979	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
12		KDT BẮC THÁI	21/09	1260/9	28/09	BN 1468	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
13		ĐIỆN VĨNH TẮN 1	22/09	1264/9		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 6A.1	29 500		29 500			
14		SÔNG HỒNG	22/09	1268/9	28/9	BN 1856	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	THAY 1187/8
15		THAN MIỀN NAM	23/09	1269/9	30/9	VINACOMIN HÀ NỘI	CẨM 5A.1	4 750		4 750		BAUXIT	THAY 1263/9
16		THAN MIỀN NAM	23/09	1269/9	30/9	VINACOMIN HÀ NỘI	CỤC 4A.2	2 400		2 400		BAUXIT	
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>50 500</u>	-	<u>50 500</u>			
		<i>Tàu đang làm hàng</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						50 500		50 500			
1		ĐIỆN VĨNH TẮN 1	22/09	1265/9		VIỆT THUẬN 215-02	CẨM 6A.1	21 300		21 300			TTHG: 17.000 - KVCP: 4.300
2		ĐIỆN VĨNH TẮN 2	22/09	1266/9		VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 6A.10	29 200		29 200			KDTCP: 9.000 - CLM: 14.000 - KVCP: 6.200
3		ĐIỆN VĨNH TẮN 2	25/9	1270/9		HẢI NAM 39	CẨM 6A.10	28 550		28 550			KDTCP: 5.000 - CLM: 13.000 - KVCP: 10.550
4		ĐIỆN VĨNH TẮN 1	25/9	1271/9		HẢI NAM 88	CẨM 6A.1	23 150		23 150			TTHG: 20.000 - KVCP: 3.150
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						<u>25 333</u>	<u>1 285</u>	<u>24 048</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						1 300	1 285	15			
1		MIỀN TRUNG	22/9	943	30/9	VIỆT TRUNG 69	CẨM 8A	1 300	1 285	15	25/9	TD	ĐN - CS
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						24 033		24 033			
1		CP ĐTTM&DV	04/9	96	18/9	PHÚC THỊNH 18	CẨM 7B	945		945		TD	CAO SƠN

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 26 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		CP ĐTTM&DV	04/9	96	18/9	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	THỐNG NHẤT
3		CP ĐTTM&DV	05/9	144	20/9	BN - 1883	CỤC 1B	1 030		1 030		TD	ĐN - CS
4		CP ĐTTM&DV	05/9	145	20/9	BN - 1296	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	CAO SƠN
5		COALIMEX	05/9	164	20/9	BN - 1809	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
6		CP SXTM THAN UỐNG BÍ	06/9	208	20/9	BN - 2122	CÁM 8A	1 980		1 980		TD	CAO SƠN - THAY TB 1011/8
7		CP ĐTTM&DV	08/9	292	22/9	BN - 1959	CỤC 1C	1 100		1 100		TD	MÔNG DƯƠNG
8		MIỀN TRUNG	09/9	338	23/9	TRẦN GIA 09	CÁM 7B	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
9		MIỀN TRUNG	09/9	338	23/9	TRẦN GIA 09	CỤC 1A	930		930		TD	ĐN - CS
10		HÀ NỘI	11/9	452	18/9	BN - 0869	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
11		MIỀN BẮC	11/9	457	18/9	BN - 2368	CÁM 8A	1 600		1 600		TD	CAO SƠN
12		NINH BÌNH	14/9	600	21/9	BN - 1666	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	CAO SƠN
13		CP HÀNG HẢI VN	22/9	935	30/9	BN - 1816	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	ĐN - CS
14		CẦU ĐUỐNG	22/9	249/7	30/9	BN - 2006	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L2
15		CP ĐTTM&DV	22/9	980	30/9	BN - 2395	CỤC 1B	1 080		1 080		TD	ĐN - CS - THAY TB 1041/8
16		CP ĐTTM&DV	22/9	981	30/9	BN - 1468	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	ĐN - CS - THAY TB 1041/8
17		THANH HOÁ	23/9	199/8	30/9	BN - 1879	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
18		MIỀN BẮC	23/9	977	30/9	BẠCH ĐĂNG 16	CÁM 6B.1	5 168		5 168		PT CB	
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>3 376</u>	-	<u>3 376</u>			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh						3 376		3 376			
1		DVVT QUẢNG NINH	17/9	746/9	24/9	BN 1856	CỤC XÔ 1B	1 100		1 100		TD	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	23/9	987/9	30/9	TĐ 03-1	CÁM 5B.14	2 276		2 276			THAY 24/8
IV		<u>KHO CẢNG KM6</u>						-	-	-			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh											
V		<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>						<u>54 800</u>	<u>16 437</u>	<u>38 363</u>			
		Tàu đã làm hàng						29 000	16 437	12 563			
1		NHẬT BẢN				MV ADESETPRVI MAJ	CÁM 3B.1	29 000	16 437	12 563	RÓT DỖ		
		Tàu đã làm lệnh						25 800		25 800			
1		INDONESIA	22/09	38/9/XK		MV. ZHEN JING 32	CỤC 5B.2	25 800		25 800			
VI		<u>TÀU NHẬP KHẨU</u>			<u>ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH</u>			-	-	-			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 26 THÁNG 09 NĂM 2025

[illegible]